

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019; Báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành nội dung Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về đánh giá tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 và nhất trí thông qua nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Về Phát triển kinh tế

Về phát triển nông nghiệp nông thôn, tiếp tục triển khai Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp” theo hướng bền vững. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, dịch hại cây trồng, nhất là trong điều kiện nắng nóng tiếp tục kéo dài; ổn định và nhân rộng cánh đồng mẫu lớn, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống, mở rộng diện tích sạ hàng. Tăng cường công tác khuyến nông, tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và xây dựng các mô hình khuyến nông hiệu quả kinh tế cao, ổn định; chủ động thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ. Tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 2019, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020. Tiếp tục triển khai kế hoạch nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản năm 2019. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn quản lý môi trường nuôi, chăm sóc, phòng bệnh cho tôm nuôi; tiếp tục triển khai các giải pháp ngăn chặn nghề cầm khai thác thủy sản ở mặt nước tự nhiên, nhất là trên đầm Thị Nại. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng, chống cháy rừng. Tiếp tục triển khai kế hoạch xây dựng huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xây dựng xã Phước Thắng hoàn thành xã chuẩn nông thôn mới 2019.

Về tài nguyên môi trường, tập trung thực hiện Chỉ thị số 05-CT/HU ngày 06/6/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa XXI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý đất đai và tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; các địa phương tập trung triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và các năm trước chưa thực hiện; thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019-2024; lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2020-2025. Tăng cường tổ chức bán đấu giá Quyền sử dụng đất, giao đất ở theo kế hoạch. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu. Tăng cường triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019. Tiếp tục thực hiện và mở rộng thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Về sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ và các chương trình khuyến công, hỗ trợ phát triển các làng nghề năm 2019. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát bình ổn giá thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng và công tác quản lý các hộ kinh doanh trên địa bàn. Tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và đưa hàng Việt về nông thôn. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, vận động các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh để giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu. Tập trung di dời các hộ tiểu thương vào hoạt động tại chợ Gò Bồi – Phước Hoà đạt hiệu quả.

Về tài chính, ngân sách, tín dụng, tập trung thực hiện các giải pháp tăng thu ngân sách, thực hành tiết kiệm chi ngân sách, bảo đảm đúng dự toán được giao theo đúng chế độ quy định, tập trung thu hồi các khoản chi tạm ứng ngân sách theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ công tác đấu giá quyền sử dụng đất, thu hồi nợ tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản các danh mục công trình, dự án đã được phê duyệt. Tiếp tục theo dõi tình hình hoạt động của các Ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn. Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020.

Về quản lý đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng, chú trọng xử lý giải quyết các vấn đề tồn tại trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, nhất là các dự án của Trung ương, tỉnh, đang triển khai trên địa bàn và các dự án trọng điểm của huyện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ và chất lượng thi công các công trình theo quy định. Tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng các công trình đã hoàn thành; triển khai thi công các công trình xây dựng mới còn lại theo kế hoạch và các dự án trọng điểm để chuẩn bị đầu tư năm 2020. Tập trung rà soát, điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019 và xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2020. Kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện hoàn thành chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2019 theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tiếp tục duy trì việc khai thác, cung cấp nước sạch cho nhân dân; vận hành điện chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông phù hợp.

2. Về Văn hóa – Xã hội

Đẩy mạnh các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học. Chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ cán bộ, giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học phục vụ cho năm học mới 2019 - 2020. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các ngành học, bậc học. Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành các trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2019 theo kế hoạch và xây dựng, duy tu, sửa chữa các công trình trường học để phục vụ tốt năm học 2019-2020. Đẩy mạnh các giải pháp hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; tăng cường kiểm tra việc dạy thêm, học thêm. Nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; chú trọng công tác y tế dự phòng, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh kịp thời; tăng cường quản lý, kiểm tra trên lĩnh vực hành nghề y dược ngoài công lập và vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dân số khi sinh.

Nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương; tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc xây dựng, nâng cấp các công trình văn hóa, lịch sử. Tiếp tục triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước năm 2019 và tập trung việc nâng cấp trang thông tin điện tử của huyện. Tổ chức hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho các phòng ban và UBND các xã, thị trấn. Tăng cường quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa.

Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống tai nạn đuối nước. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thực hiện tốt công tác giảm nghèo 2019. Tiếp tục vận động các nguồn đóng góp, ủng hộ của các cá nhân, tổ chức nhân đạo, từ thiện để cứu trợ kịp thời cho nhân dân các vùng gặp thiên tai, lũ lụt, khó khăn. Tăng cường kiểm tra, giám sát về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Triển khai có hiệu quả kế hoạch hiến máu tình nguyện năm 2019.

3. Về các hoạt động nội chính

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tiếp tục sắp xếp củng cố tổ chức bộ máy các phòng, ban, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy tổ chức các phòng, ban huyện. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019 theo kế hoạch. Tổ chức kiểm tra kế hoạch cải cách hành chính, kỷ cương hành chính, thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức năm 2019; đôn đốc các ngành tiếp tục xây dựng các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trên các lĩnh vực còn lại; xây dựng kế hoạch mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 các xã, thị trấn và chuyển đổi hệ thống ISO huyện theo kế hoạch tình phê duyệt.

Tiếp tục triển khai công tác thanh tra theo kế hoạch và triển khai các cuộc thanh tra

đột xuất; đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra; tăng cường thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước. Tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị còn tồn đọng, kéo dài và phát sinh thuộc thẩm quyền, kiên quyết không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Tiếp tục triển khai chương trình công tác tư pháp và kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019. Tăng cường thi hành án dân sự đối với các vụ việc có điều kiện thi hành.

Tăng cường công tác quốc phòng an ninh; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2019; tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã tại xã Phước Thắng, xã Phước Nghĩa, thị trấn Diêu Trì đạt kết quả. Chuẩn bị tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2020. Tăng cường chỉ đạo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, có kế hoạch bảo vệ an toàn các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

Điều 2.


1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019 với kết quả cao nhất, tạo tiền đề để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, hai Ban của Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

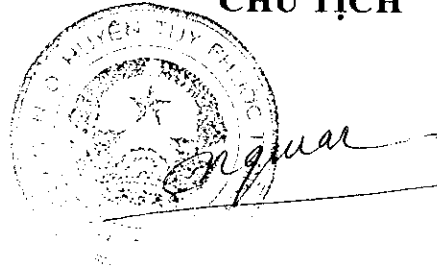
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thực hiện giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp tỉnh (để biết);
- TT HU(b/c);
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMT TQVN và các hội đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban liên quan;
- TT HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp (S1), T113. 

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

Số: 02/2019/NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019
và danh mục đầu tư phát triển năm 2020 thuộc các nguồn vốn
được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 và danh mục đầu tư phát triển mới năm 2020 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Nhất trí thông qua: Điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 và danh mục đầu tư phát triển năm 2020 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý.

A Tổng số vốn đầu tư trong năm 2019 : 328.375 triệu đồng

Bao gồm:

I. Nguồn ngân sách huyện : 316.605 triệu đồng

Trong đó:

1. Nguồn cấp quyền sử dụng đất : 300.000 triệu đồng;

2. Nguồn chuyển nguồn đầu tư năm 2018 : 16.605 triệu đồng

II. Nguồn phân cấp cho huyện quản lý: 11.770 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ I điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019)

B. Dự kiến danh mục đầu tư phát triển mới năm 2020: gồm 21 danh mục, kế hoạch vốn dự kiến bố trí 54.000 triệu đồng

(Kèm theo Phụ lục II danh mục và kế hoạch vốn đầu tư phát triển mới 2020)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

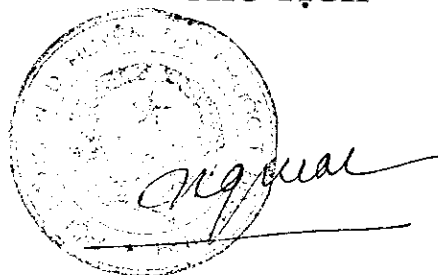
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thực hiện giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tuy Phước Khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp tỉnh (b/c);
- TT HU (b/c);
- TTHĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN, các hội, đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *du*

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH
VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐND ngày 16/17/2019 của HĐND huyện Tuy Phước)

ĐVT: triệu đ.

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch vốn đã đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Gh chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG CỘNG	288.070	52.405	12.100	328.375	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	276.300	35.500	11.800	300.000	
a	Trả nợ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	6.600	3.000		9.600	
b	Công trình chuyển tiếp và thanh toán KLHT	70.000	8.800	0	78.800	
1	Xây dựng CSHT khu dân cư và chợ Gò Bồi	2.000			2.000	
2	Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu (GD I)	2.000			2.000	
3	Kè tá ngăn bờ sông cầu Đò, Phước Hiệp	1.000			1.000	
4	Đê sông Gò Chàm(đoạn bờ Nam hạ lưu cầu Ông Quế)	1.000			1.000	
5	Hệ thống kênh tưới Phước Thuận	1.500			1.500	
6	Trường THCS thị trấn Tuy Phước (12P)	1.600			1.600	
7	Sửa chữa nhà làm việc Phòng Y tế huyện	500			500	
8	Sửa chữa NLV Huyện ủy và các Ban đảng	600			600	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT. 640	25.000	3.600		28.600	
10	Nâng cấp tuyến đường tháp Bánh ít đến ĐT. 640	3.500			3.500	
11	Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 640 đi Vinh Quang	5.000			5.000	
12	Nâng cấp tuyến đường Lê Công Miến	4.000	2.000		6.000	
13	Cầu trần chùa Ông, Phước Thắng	2.000			2.000	
14	Kè và đập dâng Mỹ Cang, Phước Sơn	2.000			2.000	
15	Gia cố đê thượng lưu đập ngăn mặn An Thuận	5.000			5.000	
16	Đê sông Cây Me(đoạn thượng, hạ lưu cầu Đội Thông)	2.000			2.000	
17	Đê sông Hà Thanh (đoạn dốc sông xóm 3, P. Thành)	3.000			3.000	
18	Đê thượng, hạ lưu đập Thanh Quang, xã Phước Thắng	4.500			4.500	
19	Trường THCS Phước Lộc (Nhà bộ môn 4P)	800	800		1.600	
20	Trường Tiểu học số 2 Phước An (6P)	700	800		1.500	
21	Trường Tiểu học số 1 Phước Lộc (8P)	1.600	800		2.400	
22	Trường Tiểu học số 1 Phước Thuận (6P chức năng)	700	800		1.500	
c	Công trình xây dựng mới	86.520	2.250	11.800	76.970	
1	Xây dựng CSHT khu Đông Bắc Phước Hòa	25.000			25.000	
2	Xây dựng CSHT khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước	10.000		9.800	200	Chuẩn b đầu tư
3	Nâng cấp tuyến đường ĐH. 42	13.000			13.000	
4	Mở rộng đường vào Khu di tích lịch sử Chùa Bà	4.000			4.000	
5	Đường vào Lăng mộ Lê Công Miến	2.000			2.000	
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm 2/9 Phước Thành	2.000			2.000	
7	Kè chống xói lở đê hạ lưu cầu Tuấn Lễ	3.000			3.000	
8	Đê sông Nha Phu (đoạn hạ lưu phía Bắc cầu Tân Mỹ)	3.000			3.000	
9	Đê sông Cát, thị trấn Điều Trị	3.000			3.000	
10	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học số 2 Phước Sơn	1.500			1.500	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch vốn đã đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
11	Trường Mầm non Phước An (03 phòng học)	1.500			1.500	
12	SC Trường THCS Phước Hưng (18P - 3 tầng)	800			800	
13	SC tường rào, công ngõ, sân Trại Khuyến nông	100			100	
14	SC nhà làm việc Thanh tra huyện	300			300	
15	SC nhà làm việc Đài Truyền thanh huyện	200			200	
16	SC, nâng cấp NLV Ban Quản lý nước sạch & VSMT	2.000			2.000	
17	SC trạm xử lý và đường ống NM nước Phước Thuận	4.500	1.000		5.500	
18	Công chào, công viên ngã ba cầu Ông Đồ	2.000			2.000	
19	Chợ Gò Bồi (Giai đoạn 2)	4.000			4.000	
20	Trạm biên áp tại Ban Chỉ huy quân sự huyện	500			500	
21	Quảng trường trước Nhà văn hóa Xuân Diệu	1.000			1.000	
22	Mua xe chở rác thải	2.000		2.000	0	
23	Điện chiếu sáng Quốc lộ 19C đoạn từ cầu Quán Trác - Phước Thành	120			120	BQL NS&VSM T
24	Hệ thống cấp nước sạch xã Phước Hiệp; hạng mục: di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt để thực hiện dự án Nâng cấp tuyến đường từ Tháp Bánh Ít đến ĐT 640	1.000			1.000	BQL NS&VSM T
25	Văn hóa đô thị và tuyên truyền trực quan	0	1.250		1.250	Trung Tâm
d	Chi phát triển quỹ đất KDC và Quản lý đất đai	30.000	17.000	0	47.000	
1	Đầu tư phát triển quỹ đất khu dân cư, TĐC các dự án	29.500	17.000		46.500	TTPTQĐ
2	Kiểm kê đất đai (đối ứng)	500			500	Phòng TN&MT
e	Hỗ trợ, đối ứng	12.680	4.450	0	17.130	
1	Xây dựng Trụ sở thôn kết hợp nhà văn hóa	1.000			1.000	100trd/tru sở
2	Xây dựng công chào làng văn hóa	400			400	trđ/công
4	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	3.680			3.680	100trd/Km
5	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện)	2.000			2.000	100trd/Km
7	Nhà làm việc BCH Quân sự xã, thị trấn (07 xã, thị trấn)	2.100			2.100	300trd/nhà
8	Hỗ trợ nâng cấp, XD sân vận động, chợ các xã	1.000			1.000	200trd/ct
9	Hỗ trợ nâng cấp Khu di tích lịch sử mộ Phó tướng Lê Tuyên (50% XL)	500			500	UBND xã Phước Nghĩa
10	Hỗ trợ Nâng cấp mở rộng đường liên xã từ xã Phước Hiệp đến Phước Lộc (tuyến từ HTX NN 1 Phước Hiệp đến cầu Đại Hàn) (50%XL)	1.000	200		1.200	UBND xã Phước Hiệp
11	Hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới nâng cao	1.000			1.000	UBND xã Phước Lộc
12	Đối ứng các dự án tình triển khai trên địa bàn huyện	0	4.250		4.250	
f	Chuẩn bị đầu tư	500	0	0	500	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch vốn đã đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	G ch
			Tăng	Giảm		
1	Nâng cấp mặt đường khu chợ Bồ Đề	50			50	
2	Hệ thống kênh tiêu úng Bàu Đung, Phước An	50			50	
3	Trường THCS TT Tuy Phước (Nhà bộ môn 4P)	50			50	
4	Trường THCS Phước Hòa (Nhà bộ môn 4P)	50			50	
5	Trường THCS Phước An (6P)	50			50	
6	Nhà hiệu bộ Trường TH số 1 TT Điều Trị	50			50	
7	Trường TH số 2 Phước Lộc (6P)	50			50	
8	Trường TH số 3 Phước Hiệp (4P)	50			50	
9	Trường TH số 1 TT Tuy Phước (8P)	50			50	
10	Trường TH số 1 Phước An (6P)	50			50	
g	Hỗ trợ có mục tiêu các xã, thị trấn (nguồn thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất tại các xã, thị trấn, sau khi đã trừ GPMB và xây dựng CSHT)	60.000			60.000	
h	Chi sự nghiệp có tính chất đầu tư	4.400	0	0	4.400	
	Chi cho công tác quy hoạch trên địa bàn huyện	4.400			4.400	
	- Lập quy hoạch sử dụng đất 2020-2030	1.400			1.400	Phòn TN&N
	- Các quy hoạch khác.....	3.000			3.000	
i	Dự phòng chi	5.600			5.600	
1	Gia cố tuyến đê sông Hà Thanh(đoạn bờ Bắc tràn BiểnSông thị trấn Tuy Phước)	0	3.000		3.000	
II	NGUỒN PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUẢN LÝ	11.770	300	300	11.770	
1	Nhà làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	3.500			3.500	
2	Trường THCS thị trấn Tuy Phước (06 phòng)	2.000			2.000	
3	Trường Mầm non Phước Hòa (02 phòng học)	1.000			1.000	
4	Sửa chữa Nhà văn hóa Xuân Diệu	650			650	
5	Đổi ứng các dự án tình triển khai trên địa bàn huyện	3.000	300		3.300	
6	Chi phát triển Khoa học công nghệ	440			440	
7	Hỗ trợ xây dựng điện chiếu sáng Trung tâm xã: P.Thuận	830		245	585	50% xã lấp
8	Thao dỡ đi dời dương ống nước sạch de thi công công trình: Khôi phục sửa chữa tuyến đường ĐT636B (Gò Bồi - Bình Nghi) thuộc dự án LRAMP do Sở GTVT làm chủ đầu tư	350		55	295	BQLNS VSMT
III	CHUYỂN NGUỒN ĐẦU TƯ NĂM 2018	0	16.605	0	16.605	
a	Nguồn phân cấp cho huyện quản lý	0	676		676	
1	Cầu bản Kênh tiêu cầu Tân Võ	0	676		676	
b	Nguồn tiền sử dụng đất	0	15.929	0	15.929	
1	Hỗ trợ nâng cấp tuyến đường Trần Thị Kỳ, TT.Tuy Phước	0	900		900	50% xây lấp

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch vốn đã đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
2	Hỗ trợ XD cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đường đi vào khu QH Nghĩa trang nhân dân huyện tại núi Sơn Triều, xã P.Lộc	0	2.000		2.000	50% xây lắp
3	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa và bê tông nhựa tuyến đường liên xã (QL19- cầu Đại Hàn, xã Phước Lộc)	0	1.000		1.000	50% xây lắp
4	Hỗ trợ Trường THPT Xuân Diệu cải tạo , sửa chữa tường rào công nghệ	0	200		200	
5	Hỗ trợ xây dựng điện chiếu sáng Trung tâm các xã (Phước Hòa, P.Quang, P.Son)	0	2.729		2.729	50% xây lắp
7	Hỗ trợ Xây dựng công chào xã Phước Sơn tuyến ĐT640	0	500		500	UBNDXã P.Son
8	Hỗ trợ Xây dựng công chào xã Phước Quang tuyến ĐT636	0	500		500	UBNDXã P.Quang
9	Hỗ trợ lắp đặt bảng điện tử LED và sửa chữa Alu công chào Huyện tại xã Phước Thành (QL19 giáp V.Canh)	0	700		700	UBNDXã P.Thành
10	Hỗ trợ lắp đặt bảng điện tử LED và sửa chữa Alu công chào Huyện tại TT.Tuy Phước (QL19' giáp TP.Qui Nhơn)	0	800		800	UBND.TT . Tuy Phước
11	Hỗ trợ nâng cấp tuyến đường tang Đại Hò, TT.Diền	0	2.500		2.500	50% xây lắp
12	Nâng cấp cải tạo Sân vận động xã Phước Lộc (thành sân vận động huyện)	0	1.500		1.500	
13	Hỗ trợ nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH42 (đoạn từ cống chui QL19 đến đầu cầu sông Tranh, phần thảm nhựa- 50% xây lắp)	0	1.500		1.500	UBND xã Phước Nghĩa
14	Di dời, lắp đặt lại đường ống cấp nước sạch để thi công công trình:Mở rộng đường vào Khu di tích lịch sử Chùa Bà	0	600		600	BQLNS & VSMT
15	Xây dựng chính quyền điện tử huyện năm 2019	0	500		500	Phòng VCH.T.T

h

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH
VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MỚI NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ - HĐND ngày /7/2019 của HĐND huyện Tuy Phước)

ĐVT: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch vốn bố trí	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	54.000	
1	Xây dựng CSHT khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước	15.000	
2	Nâng cấp mặt đường khu chợ Bồ Đề (thảm nhựa)	3.000	
3	Đê sông Gò Chàm (đoạn bờ tả và bờ hữu thượng lưu cầu Háo Lễ- Phước Hưng)	5.000	
4	Đê sông Cát, thị trấn Diêu Trì(đoạn hạ lưu vùng Bờ Hiên)	4.000	
5	Gia cố đê bờ Nhi Phước Lộc (đoạn còn lại)	1.000	
6	Tiêu úng Bàu Đưng - Phước An	3.000	
7	Trường TH số 1 thị trấn Diêu Trì(nhà Hiệu bộ)	1.000	
8	Trường TH số 2 thị trấn Tuy Phước (6p)	2.000	
9	Trường THCS thị trấn Tuy Phước (nhà bộ môn 04p)	2.000	
10	Trường THCS Phước Hòa (nhà bộ môn 04p)	1.000	
11	Trường THCS Phước An (6p)	2.000	
12	Trường TH số 1 thị trấn Tuy Phước (8p)	2.500	
13	Trường TH số 1 Phước An (6p)	2.000	
14	Trường THCS thị trấn Tuy Phước (nhà Hiệu bộ)	2.000	
15	Trường THCS thị trấn Tuy Phước (sửa chữa 6p)	600	
16	Trường THCS số 1 Phước Sơn (nhà bộ môn)	1.500	
17	Sửa chữa Nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ huyện	200	
18	Chỉnh trang Phố chợ Gò Bồi (cũ)-Phước Hòa	1.000	
19	Trang trí , tuyên truyền trực quan tuyến ĐT640	2.000	
20	Bờ kè và tường rào chống sạt lở cơ quan BCHQS huyện	1.500	
21	Chỉnh trang Khuôn viên (HTX cơ giới 1-5 cũ) và mở đường vào Trường TH số 1 TT Tuy Phước	1.700	

h

NGHỊ QUYẾT

V/v phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện về việc dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 6139/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND huyện về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2018;

Sau khi xem xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND huyện về việc đề nghị phê chuẩn Quyết toán ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương: 1.148.645.668.155 đồng

1. Tổng thu ngân sách TW, tỉnh: 56.657.831.489 đồng

2. Tổng thu ngân sách huyện, xã: 1.091.987.836.666 đồng

- Thu ngân sách huyện: 850.485.639.356 đồng

- Thu ngân sách xã, thị trấn: 241.502.197.310 đồng

II. Tổng chi ngân sách huyện, xã: 1.039.632.755.626 đồng

- Chi ngân sách huyện: 804.833.218.146 đồng

- Chi ngân sách xã, thị trấn: 234.699.537.480 đồng

III. Kết dư ngân sách: 52.355.081.040 đồng

- Ngân sách huyện: 45.552.421.210 đồng

- Ngân sách xã, thị trấn: 6.802.659.830 đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy ban Nhân dân huyện thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2018 theo quy định pháp luật;

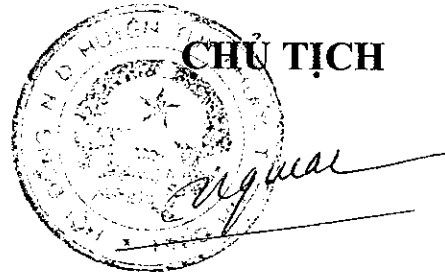
Số kết dư ngân sách cuối năm 2018 giao UBND huyện quản lý, sử dụng đúng theo quy định và báo cáo kết quả sử dụng cho HĐND huyện biết tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết;

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua ./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện (thực hiện);
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND, ĐB HĐND huyện (thực hiện);
- Các phòng, ban, ngành, Hội ĐT liên quan (thực hiện)
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *Đan*



CHỦ TỊCH

Mai Văn Ngọc

PHỤ LỤC 2
QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số QĐ/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của Hội đồng Nhân dân Tuy Phước)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm 2018	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	482.622.000.000	632.253.000.000	1.148.645.668.155	13.226.224.529	43.431.606.960	850.485.639.356	241.502.197.310	238,00	181,68
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	234.950.000.000	379.950.000.000	436.300.774.468	13.226.224.529	30.201.761.960	356.504.632.502	36.368.155.477	185,70	114,83
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			25.360.000	-	25.360.000	-	-		
	- Thuế giá trị gia tăng			24.635.500		24.635.500				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>			-						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			724.500		724.500				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			-						
	- Thuế tài nguyên			-						
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>			-						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			954.342.173	-	379.062.234	575.279.939			
	- Thuế giá trị gia tăng			352.907.309		9.833.302	343.074.007			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			149.860.035		66.218.052	83.641.983			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			-						
	- Thuế tài nguyên			451.574.829		303.010.880	148.563.949			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			666.952.942		666.952.942				
	- Thuế giá trị gia tăng			666.952.942		666.952.942				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>			-						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			-						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>			-						
	- Thu từ khí thiên nhiên			-						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-						
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			-						
	- Thuế tài nguyên			-						

Đã

	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí			-						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước			-						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			-						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	87.000.000.000	87.000.000.000	75.575.329.759	-	396.945.424	70.365.596.071	4.812.788.264	86,87	86,87
	- Thuế giá trị gia tăng	60.360.000.000	60.360.000.000	52.830.079.930			49.070.829.095	3.759.250.835	87,52	87,52
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.940.000.000	20.940.000.000	16.978.311.436			15.924.774.007	1.053.537.429	81,08	81,08
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	400.000.000	400.000.000	396.945.424		396.945.424			99,24	99,24
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			-						
	- Thuế tài nguyên	5.300.000.000	5.300.000.000	5.369.992.969			5.369.992.969		101,32	101,32
5	Lệ phí trước bạ	15.250.000.000	15.250.000.000	24.174.268.021			20.513.124.140	3.661.143.881	158,52	158,52
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			22.000.000				22.000.000		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400.000.000	400.000.000	772.617.513				772.617.513	193,15	193,15
8	Thuế thu nhập cá nhân	10.500.000.000	10.500.000.000	11.099.645.193		33.080.927	11.066.564.266		105,71	105,71
9	Thuế bảo vệ môi trường			20.498.717		20.498.717				
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu			-						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước			20.498.717		20.498.717				
10	Phí, lệ phí	7.000.000.000	7.000.000.000	6.159.259.045	857.723.296	1.800.000	3.825.472.549	1.474.263.200	87,99	87,99
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	1.900.000.000	1.900.000.000	2.034.049.616			2.034.049.616		107,06	107,06
	- Lệ phí môn bài	1.400.000.000	1.400.000.000	2.160.111.000		1.800.000	973.311.000	1.185.000.000	154,29	154,29
	- Phí, lệ phí còn lại	3.700.000.000	3.700.000.000	1.965.098.429	857.723.296	-	818.111.933	289.263.200	53,11	53,11
11	Tiền sử dụng đất	65.000.000.000	200.000.000.000	250.387.588.788	-	26.143.364.680	224.244.224.108		385,21	125,19
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			-						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	65.000.000.000	200.000.000.000	250.387.588.788		26.143.364.680	224.244.224.108		385,21	125,19
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	9.000.000.000	9.000.000.000	17.265.333.936		841.515.706	16.423.818.230		191,84	191,84
13	Thu tiền sử dụng khu vực biên			-						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương			-						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương			-						
14	Thu từ bán tài sản nhà nước			-						
	Trong đó: - Do trung ương			-						
	- Do địa phương			-						
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước			-						
	Trong đó: - Do trung ương xử lý			-						

	- Do địa phương xử lý			-						
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			2.358.114.000			2.358.114.000			
17	Thu khác ngân sách	23.000.000.000	33.000.000.000	28.184.787.979	12.368.501.233	1.145.639.330	7.132.439.199	7.538.208.217	122,54	85,41
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương			-						
	- Thu từ xử phạt vi phạm ATGT và hành chính khác	20.000.000.000	20.000.000.000	13.047.780.720	12.282.444.720	143.375.000	227.526.000	394.435.000	65,24	65,24
	- Thu khác còn lại	3.000.000.000	13.000.000.000	6.863.630.128	86.056.513	1.002.264.330	3.498.238.099	2.277.071.186	228,79	52,80
	- Thu đóng góp CSHT			8.273.377.131			3.406.675.100	4.866.702.031		
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			547.542.000	-	547.542.000	-	-		
	Trong đó: - Giấy phép đo Trung ương cấp			-	-					
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp			547.542.000		547.542.000				
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	17.800.000.000	17.800.000.000	18.087.134.402				18.087.134.402	101,61	101,61
20	Thu cô tức và lợi nhuận sau thuế			-						
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)			-						
II	Thu về dầu thô			-						
1	Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng			-						
1.1	Thuế tài nguyên			-						
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp			-						
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam			-						
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam			-						
1.5	Thuế đặc biệt			-						
1.6	Thu khác			-						
2	Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng			-						
3	Phụ thu về dầu, khí			-						
4	Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)			-						
III	Thu Hải quan			-						
1	Thuế xuất khẩu			-						
2	Thuế nhập khẩu			-						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu			-						
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			-						

Handwritten signature

5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam			-						
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập			-						
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện			-						
8	Phí, lệ phí hải quan			-						
9	Thu khác			-						
IV	Thu Viện trợ			-						
V	Các khoản huy động, đóng góp			-						
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			-						
2	Các khoản huy động đóng góp khác			-						
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính			-						
1	Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách			-						
2	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách			-						
2.1	Thu nợ gốc cho vay			-						
2.2	Thu lãi cho vay			-						
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-						
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			-						
1	Vay bù đắp bội chi NSDP			-						
1	Vay trong nước			-						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			-						
H	Vay để trả nợ gốc vay			-						
1	Vay trong nước			-						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			-						
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN	247.672.000.000	252.303.000.000	512.325.227.980	-	13.229.845.000	345.995.794.000	153.099.588.980	206,86	203,06
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	247.672.000.000	252.303.000.000	498.895.382.980	-	-	345.795.794.000	153.099.588.980	201,43	197,74
1.1	Bổ sung cân đối	194.946.000.000	194.946.000.000	228.353.000.000			204.913.000.000	23.440.000.000	117,14	117,14
2	Bổ sung có mục tiêu	52.726.000.000	57.357.000.000	270.542.382.980			140.882.794.000	129.659.588.980	513,11	471,68
2.1	Bổ sung có bằng nguồn vốn trong nước	52.726.000.000	57.357.000.000	270.542.382.980			140.882.794.000	129.659.588.980	513,11	471,68
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước			-						
H	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			13.429.845.000		13.229.845.000	200.000.000			
D	THU CHUYỂN NGUỒN			135.120.775.647			94.211.739.170	40.909.036.477		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			64.898.890.060			53.773.473.684	11.125.416.376		

PHỤ LỤC 3
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số QĐ/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của Hội đồng Nhân dân Tuy Phước)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh		
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=3/1	8=3/2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	423.086.000.000	674.443.000.000	873.103.321.646		638.603.784.166	234.499.537.480	206,37	129,46
I	Chi đầu tư phát triển	76.770.000.000	273.270.000.000	283.801.339.349		194.969.169.950	88.832.169.399	369,68	103,85
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực			283.801.339.349		194.969.169.950	88.832.169.399		-
1.1	Chi quốc phòng			1.206.300.000			1.206.300.000		-
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			-					-
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		24.760.436.000	23.714.622.000		20.062.782.000	3.651.840.000		-
1.4	Chi Khoa học và công nghệ			-					-
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		209.986.000	625.363.000		209.986.000	415.377.000		-
1.6	Chi Văn hóa thông tin		4.509.731.000	9.731.394.000		4.085.829.000	5.645.565.000		-
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tin			-					-
1.8	Chi Thể dục thể thao			3.205.732.000			3.205.732.000		-
1.9	Chi Bảo vệ môi trường		566.888.000	2.233.305.564		466.887.000	1.766.418.564		-
1.10	Chi các hoạt động kinh tế		214.142.656.000	228.222.171.560		165.634.781.950	62.587.389.610		-
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		4.534.031.000	14.103.700.225		4.429.277.000	9.674.423.225		-
1.12	Chi Bảo đảm xã hội		79.627.000	758.751.000		79.627.000	679.124.000		-
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác		24.466.645.000	-					-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công			-					-
3	Chi đầu tư phát triển khác			-					-
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định			-					-
III	Chi thường xuyên	346.316.000.000	401.173.000.000	460.028.984.456		369.490.902.203	90.538.082.253	132,84	114,67
2.1	Chi quốc phòng		6.619.000.000	8.179.711.559		3.029.170.000	5.150.541.559		123,58
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		2.625.000.000	3.889.777.411		884.400.000	3.005.377.411		148,18
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	252.331.000.000	252.331.000.000	252.574.489.125		252.534.989.125	39.500.000	100,10	100,10
2.4	Chi Khoa học và công nghệ	240.000.000	240.000.000	161.900.000		161.900.000	-	67,46	67,46
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		71.000.000	69.000.000		69.000.000			-
2.6	Chi Văn hóa thông tin		2.562.000.000	2.407.576.761		1.572.550.000	835.026.761		93,97
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tin		1.378.000.000	1.986.372.187		865.637.000	1.120.735.187		144,15
			824.000.000	853.344.340		503.842.000	349.502.340		102,32

2.9	Chi Bảo vệ môi trường		2.884.000.000	2.435.133.300		1.398.289.100	1.036.844.200		84,44
2.10	Chi các hoạt động kinh tế		21.463.000.000	32.448.033.578		15.152.312.560	17.295.721.018		151,18
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		75.982.000.000	86.258.363.992		32.509.658.775	53.748.705.217		113,52
2.12	Chi Bảo đảm xã hội		31.484.000.000	67.155.340.138		59.919.343.458	7.235.996.680		213,30
2.13	Chi khác		2.700.000.000	1.609.942.065		889.810.185	720.131.880		59,63
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-					
V	Chi chuyển nguồn			129.272.997.841		74.143.712.013	55.129.285.828		
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP	52.726.000.000	-	153.099.588.980		153.099.588.980		290,37	
1	Bổ sung cân đối			23.440.000.000		23.440.000.000			
2	Bổ sung có mục tiêu	52.726.000.000		129.659.588.980		129.659.588.980		245,91	
	<i>Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước</i>			129.659.588.980		129.659.588.980			
	<i>- Bằng nguồn vốn ngoài nước</i>								
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			13.429.845.000		13.229.845.000	200.000.000		-
	TỔNG SỐ (A+B+C)	484.189.000.000	674.443.000.000	1.039.632.755.626		804.933.218.146	234.699.537.480	214,72	154,15

Số: 04 /NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND huyện về việc đề nghị phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Nhất trí thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, cụ thể như sau:

I. Về thu ngân sách địa phương:

- Điều chỉnh tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện: 23.700 triệu đồng
(Lý do: Chi đền bù GPMB và đầu tư CSHT các khu dân cư trên địa bàn huyện tăng; đối ứng các dự án của TW, tỉnh đang triển khai trên địa bàn huyện)

- Điều chỉnh giảm thuế chuyên quyền khai thác khoáng sản: 8.000 triệu đồng.

(Lý do: UBND tỉnh không giao kế hoạch thu cân đối từ đầu năm)

Tổng thu ngân sách sau điều chỉnh: 776.744 triệu đồng

- Thu ngân sách tỉnh (giảm thuế chuyên quyền khai thác khoáng sản):
14.670 triệu đồng

- Thu ngân sách huyện (tăng 23.700 triệu đồng): 702.621 triệu đồng

- Thu ngân sách xã, thị trấn: 59.453 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

II. Về chi ngân sách địa phương:

1. Chi đầu tư phát triển:

- Tăng chi đầu tư (từ nguồn sử dụng đất):	23.700 triệu đồng
Tổng chi ngân sách sau điều chỉnh:	762.074 triệu đồng
- Chi ngân sách huyện (tăng 23.700 tr đồng):	702.621 triệu đồng
- Chi ngân sách xã, thị trấn :	59.453 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thực hiện giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tuy Phước, Khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- TT HU (b/c);
- TTHĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN, các hội, đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. ✓



Mai Văn Ngọc

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2019 HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số **04/INQ-HDND** ngày **16/7/2019** của HDND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	Trong đó			Điều chỉnh		DỰ TOÁN NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH	Trong đó			Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	Giảm	Tăng		NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	761.044	22.670	678.921	59.453	8.000	23.700	776.744	14.670	702.621	59.453	
1	Các khoản thu cân đối ngân sách	470.450	22.670	422.807	24.973	8.000	23.700	486.150	14.670	446.507	24.973	
1	Thuế thu từ lĩnh vực NQD	100.200	270	93.846	6.084	0	0	100.200	270	93.846	6.084	
	Thuế giá trị gia tăng và TNDN	92.830		86.746	6.084			92.830		86.746	6.084	
	Thuế TTĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước	270	270					270	270			
	Thuế Tài nguyên	7.100		7.100				7.100		7.100		
2	Thu lệ phí trước bạ	23.100		21.514	1.586	0	0	23.100		21.514	1.586	
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>1.586</i>		<i>1.586</i>				<i>1.586</i>		<i>1.586</i>		
3	Thuế nhà đất, thuế đất phi nông nghiệp	600			600			600			600	
4	Thuế thu nhập cá nhân	12.000		12.000				12.000		12.000		
5	Tiền cho thuê đất	11.000	2.000	9.000				11.000	2.000	9.000		
6	Thuê chuyển quyền khai thác khoáng sản	8.000	8.000			8.000		0	0			
7	Tiền sử dụng đất	276.300		276.300			23.700	300.000		300.000		
8	Thu phí và lệ phí	7.000		5.097	1.903			7.000		5.097	1.903	
9	Thu khác ngân sách	32.250	12.400	5.050	14.800	0	0	32.250	12.400	5.050	14.800	
	<i>Bao gồm</i>											
	- Thu khác NS tỉnh xi phạt ATGT, VPHC	12.400	12.400					12.400	12.400			
	- Thu khác ngân sách huyện	5.050		5.050				5.050		5.050		
	- Thu khác ngân sách xã, thị trấn	14.800			14.800			14.800			14.800	
11	Thu trợ cấp NS cấp trên	290.594		256.114	34.480	0	0	290.594		256.114	34.480	
	<i>Trong đó: Trợ cấp cân đối Ngân sách</i>	<i>194.946</i>		<i>160.466</i>	<i>34.480</i>			<i>194.946</i>		<i>160.466</i>	<i>34.480</i>	
	<i>Trợ cấp bổ sung có mục tiêu</i>	<i>95.648</i>		<i>95.648</i>				<i>95.648</i>		<i>95.648</i>		

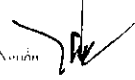
PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019 HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	Trong đó			Điều chỉnh		DỰ TOÁN NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH	Trong đó			Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	Giảm	Tăng		NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	738.374	0	678.921	59.453	0	23.700	762.074	0	702.621	59.453	
I	Chi đầu tư phát triển	288.070	0	288.070	0	0	23.700	311.770	0	311.770	0	0
1	Từ nguồn NS tỉnh giao (Vốn trong nước)	11.770		11.770				11.770		11.770		
2	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	276.300		276.300			23.700	300.000		300.000		
II	Chi thường xuyên	439.711	0	381.984	57.727	0	0	439.711	0	381.984	57.727	
I	Chi hoạt động sự nghiệp	353.205	0	347.948	5.257	0	0	353.205	0	347.948	5.257	
1.1	Sự nghiệp kinh tế (nông, lâm, thủy sản)	27.382	0	26.972	410			27.382	0	26.972	410	
	- Trạm khuyến nông	1.507		1.097	410			1.507	0	1.097	410	
	<i>Trong đó: Chi triển khai các mô hình trong nông nghiệp</i>			440						440		Nguồn Đầu tư
	- Sự nghiệp nông nghiệp	75		75				75		75		
	- Sự nghiệp thủy lợi	250		250				250		250		
	- Sự nghiệp giao thông	250		250				250		250		
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	1.700		1.700				1.700		1.700		
	- Sự nghiệp kinh tế khác	0						0				
	- Sự nghiệp kinh tế mục tiêu của tỉnh	22.780		22.780				22.780		22.780		
	- Trung tâm phát triển quỹ đất	916		916				916		916		
	- Ban QL các cụm công nghiệp - Dịch vụ	344		344				344		344		
1.2	Chi sự nghiệp Y tế	75		75				75		75		
1.3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2.556		1.304	1.252			2.556		1.304	1.252	
1.4	Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	596		301	295			596		301	295	
1.5	Chi sự nghiệp truyền thanh	1.435		915	520			1.435		915	520	
1.6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	262.947		262.599	348			262.947		262.599	348	
1.7	Chi sự nghiệp GDNN-GDTX	4.500		4.500				4.500		4.500		
1.8	Chi sự nghiệp Đào tạo	1.158		1.158				1.158		1.158		
1.9	Chi sự nghiệp khác	100		100				100		100		
1.9	Bộ phận văn phòng một cửa	446		446				446		446		
1.10	Hội chữ thập đỏ	408		408				408		408		
1.11	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	46.330		46.330				46.330		46.330		
1.12	Sự nghiệp hoạt động môi trường	4.748		2.600	2.148			4.748		2.600	2.148	
1.13	Sự nghiệp Khoa học - Công nghệ	524		240	284			524		240	284	
1.14	Chi công tác quy hoạch	4.400		4.400				4.400		4.400		

Nguồn 

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	Trong đó			Điều chỉnh		DỰ TOÁN NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH	Trong đó			Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	Giảm	Tăng		NS tỉnh	NS huyện	NS xã, thị trấn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.15	Chi đổi ứng các DA của tỉnh triển khai trên địa bàn huyện	3.000		3.000				3.000		3.000		Đầu tư
2	Chi hành chính, Đảng, Đoàn thể	75.407	0	29.682	45.725	0	0	75.407	0	29.682	45.725	
a	Chi quản lý nhà nước	48.495	0	17.332	31.163			48.495	0	17.332	31.163	
	- Văn phòng HĐND&UBND	4.855		4.855				4.855		4.855		
	- Thanh tra huyện	976		976				976		976		
	- Phòng Tư pháp	749		749				749		749		
	- Phòng Nội vụ	2.177		2.177				2.177		2.177		
	- Phòng Lao động TB&XH	1.263		1.263				1.263		1.263		
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.446		1.446				1.446		1.446		
	- Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.204		1.204				1.204		1.204		
	- Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.291		1.291				1.291		1.291		
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	986		986				986		986		
	- Phòng Giáo dục	490		490				490		490		
	- Phòng Y tế	720		720				720		720		
	- Phòng Văn hoá - Thông tin	1.175		1.175				1.175		1.175		
b	Khối Đảng	13.608	0	7.161	6.447			13.608	0	7.161	6.447	
	- Văn phòng Huyện uỷ	6.201		6.201				6.201		6.201		
	- Chi cho các tổ chức cơ sở Đảng	960		960				960		960		
c	Khối Đoàn thể	13.304	0	5.189	8.115			13.304	0	5.189	8.115	
	- UB mật trận TQVN	1.811		1.811				1.811		1.811		
	- Hội Cựu chiến binh	500		500				500		500		
	- Hội Nông dân	774		774				774		774		
	- Hội Liên hiệp Phụ nữ	856		856				856		856		
	- Huyện đoàn	1.248		1.248				1.248		1.248		
d	Chi hành chính khác	0						0				
3	Chi An ninh - Quốc phòng	9.430	0	2.975	6.455			9.430	0	2.975	6.455	
	- Chi công tác An ninh + ATGT	2.718		345	2.373			2.718		345	2.373	
	- Chi công tác Quốc phòng	6.712		2.630	4.082			6.712		2.630	4.082	
4	Chi khác ngân sách	1.670	0	1.380	290			1.670	0	1.380	290	
III	Dự phòng chi	10.593	0	8.867	1.726			10.593	0	8.867	1.726	

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư

Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 10/7/2019 của UBND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước;

Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN.

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước.
2. Dự án nhóm: **B**.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước.
4. Cấp quyết định dự án đầu tư: UBND huyện Tuy Phước.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Tuy Phước.
6. Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước.
7. Quy mô đầu tư: Tổng diện tích theo quy hoạch được duyệt là: 98.748m².

Bao gồm các hạng mục:

7.1. *San nền*: trong phạm vi dự án với chiều cao trung bình 1,2m bằng đất cấp phối đồi; khối lượng đất đắp là: 89.300m³.

7.2. *Hệ thống đường giao thông*:

- Xây dựng mạng lưới đường giao thông bằng BTXM M250 đá 2x4 được thiết kế theo dạng ô cờ theo tiêu chuẩn kỹ thuật đường nội thị và hệ thống biển báo an toàn giao thông.

- Gồm có 14 tuyến (lộ giới từ 8m đến 18m) với tổng chiều dài là 2.850m; tổng diện tích mặt đường $S_m = 39.816m^2$.

7.3. Hệ thống thoát nước:

- Công ngang: sử dụng cống bê tông ly tâm đường kính 600 kết hợp hố ga 02 đầu để thu nước về cống dọc; cống dọc sử dụng cống bê tông ly tâm đường kính từ 600 đến 1200 bố trí 01 bên, đầu nối với cống ngang thông qua hố ga.

- Xây dựng rãnh hộp rộng 0,6m bằng bê tông M200 đá 1x2 dài 201m và kênh tưới rộng 1,5m bằng bê tông M200 đá 1x2 dài 490m.

7.4. Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng đường dây 22kV dài 2.737m đầu nối vào tuyến 22kV hiện hữu dọc tuyến QL19 (đường Nguyễn Huệ) đến 03 TBA 400KVA xây dựng mới.

- Xây dựng mới đường dây 0,4kV dài 4.960m dùng cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và trang bị hệ thống chiếu sáng công cộng cho toàn khu.

7.5. Hệ thống cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước sinh hoạt, dịch vụ và cấp nước cứu hỏa với tổng chiều dài $L = 4.983m$ bằng ống HDPE có đường kính từ $\varnothing 63 \div \varnothing 110$; trên tuyến bố trí các van chặn, van xả cạn, van xả khí và trụ cứu hỏa.

7.6. Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống đường ống thu gom nước thải với tổng chiều dài $L = 2.693m$ bằng ống UPVC có đường kính từ $\varnothing 150$ đến $\varnothing 300$ và Trạm xử lý nước thải với công suất $150m^3$ / ngày đêm.

7.7. Hệ thống cây xanh: Bố trí trồng cây xanh tạo bóng mát trên vỉa hè bằng cây Sao đen, đường kính 8-10cm.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư: **97.435.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Trong đó: - Chi phí xây dựng:	56.534.500.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	1.425.000.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án:	1.069.089.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.024.196.000 đồng;
- Chi phí khác:	3.102.584.000 đồng;
- Chi phí đền bù, GPMB:	23.726.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	8.553.631.000 đồng.

9. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Khả năng cân đối vốn: Kế hoạch vốn cho công trình được bố trí theo kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2019 - 2021.

10. Thời gian thực hiện dự án: 2019 - 2021.


Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

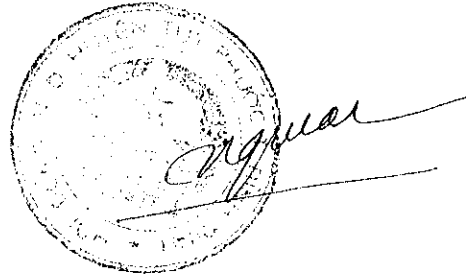
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tuy Phước Khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp tỉnh (b/c);
- TT HU (b/c);
- TTHĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN, các hội, đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, hồ sơ kỹ hợp. S_{113b} 

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

Số: 06 /NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước
đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước về việc cho ý kiến về đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 (có Đồ án quy hoạch kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện (thực hiện);
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *Uuy*



CHỦ TỊCH

Mai Văn Ngọc
Mai Văn Ngọc

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua **Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:
02 phân khu 02 và 03 tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3587/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 quỹ đất dọc Quốc lộ 19 (mới) đoạn từ thành phố Quy Nhơn đến huyện Tuy Phước;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước về việc cho ý kiến về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 02 phân khu 02 và 03 tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 02 phân khu 02 và 03 tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (có Đồ án quy hoạch kèm theo).


Điều 2.


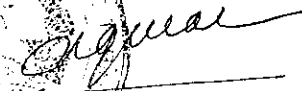
1. Giao Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. 

CHỦ TỊCH


Mai Văn Ngọc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2019/NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn Quy chế hoạt động
của HĐND huyện Tuy Phước khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;


Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 01/TTr - HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐND huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 8.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 (có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực ngày 23 tháng 7 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 

17/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 8 năm 2011 của HĐND huyện Tuy Phước về Quy chế hoạt động của HĐND huyện khóa X, nhiệm kỳ 2011-2016./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp tỉnh (b/c);
- TT HU(b/c);
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMT TQVN và các hội đoàn thể huyện;
- Các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban liên quan;
- TT HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp (S1), T113 *ĐH*

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC KHÓA XI, NHIỆM KỲ 2016 - 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2019
của HĐND huyện Tuy Phước)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 ngày 19/6/2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định một số nội dung cụ thể về trách nhiệm, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện Tuy Phước khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND huyện làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Ngoài việc chấp hành các quy định nêu tại Quy chế này, hoạt động và mối quan hệ công tác của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 còn phải tuân thủ theo các quy định khác của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 4. Hội đồng nhân dân huyện

HĐND huyện gồm các đại biểu HĐND huyện do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức Hội đồng nhân dân huyện

1. HĐND huyện gồm các đại biểu HĐND huyện do cử tri ở huyện bầu ra. Tổng số đại biểu HĐND huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 là 40 đại biểu.

2. Thường trực HĐND huyện gồm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND.

3. HĐND huyện thành lập Ban pháp chế và Ban kinh tế -Xã hội, Ban của HĐND gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên; thành viên các Ban là đại biểu HĐND;

4. Các đại biểu HĐND huyện được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu HĐND. Thường trực HĐND phân công Tổ trưởng chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức hoạt động của Tổ;

5. Văn phòng HĐND&UBND huyện là cơ quan tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND, UBND huyện. Chánh Văn phòng HĐND&UBND phân công cán bộ, công chức tham mưu cho hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND huyện bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền:

a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND huyện;

b) Quyết định biện pháp thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh; biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp; quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở huyện;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND và các Ủy viên UBND huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện;

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu theo quy định;

e) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của HĐND xã, thị trấn;

g) Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;

h) Giải tán HĐND xã, thị trấn trong trường hợp HĐND đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân, trình HĐND cấp tỉnh phê chuẩn trước khi thi hành;

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu - chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của huyện theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền;

d) Quyết định biện pháp quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác; biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão, lụt ở địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định biện pháp phát triển hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; biện pháp giải quyết việc làm, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội, xóa đói, giảm nghèo; biện pháp bảo đảm việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, thực hiện nghị quyết của HĐND huyện; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, các Ban của HĐND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và văn bản của HĐND xã, thị trấn.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện

- HĐND huyện họp thường lệ mỗi năm ít nhất hai kỳ, được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 hàng năm;



- HĐND huyện họp bất thường khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND huyện hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND huyện yêu cầu;

- HĐND huyện họp công khai; trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND huyện hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND huyện thì HĐND huyện quyết định họp kín;

- Trong nhiệm kỳ, Thường trực HĐND huyện quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp bất thường là 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Chuẩn bị kỳ họp

a) Thường trực HĐND huyện có trách nhiệm chủ trì công tác chuẩn bị kỳ họp HĐND theo quy định của pháp luật, gồm các nội dung sau:

- Tổ chức hội nghị liên tịch để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam (UBMTTQVN) huyện tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri giữa hai kỳ họp, báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp;

- Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND huyện, yêu cầu người có thẩm quyền trả lời chất vấn;

- Theo dõi kết quả thực hiện các giải pháp nêu trong nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp trước, đôn đốc người trả lời chất vấn báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp tiếp theo;

- Phân công, kiểm tra, đôn đốc các Ban HĐND huyện thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp; các Ban có nhiệm vụ tổ chức họp Ban để lấy ý kiến đóng góp và đề xuất nội dung chất vấn của các thành viên Ban, chuyển đến Thường trực HĐND huyện chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Phân công thành viên Ban theo dõi, giám sát việc trả lời chất vấn tại kỳ họp thuộc lĩnh vực phụ trách, kịp thời có ý kiến yêu cầu người trả lời chất vấn làm rõ những nội dung chất vấn khi cần thiết;

- Chỉ đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp với các Ban của HĐND huyện chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ kỳ họp và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan gửi tài liệu kỳ họp theo quy định;

- Cung cấp tài liệu cho đại biểu HĐND huyện để đại biểu chủ động nghiên cứu tài liệu, tích cực chuẩn bị các nội dung để tham gia thảo luận và gửi Thường trực HĐND huyện các nội dung chất vấn để chuyển đến người được chất vấn;

b) UBND huyện, các cơ quan trực thuộc UBND huyện, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, UBMTTQVN huyện, các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia chuẩn bị kỳ họp HĐND huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức, điều hành kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND huyện chủ tọa kỳ họp, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND; bảo đảm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết tán thành theo đa số; các Phó Chủ tịch HĐND huyện cùng Chủ tịch HĐND huyện

điều hành phiên họp và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐND huyện.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thực hiện các nội dung:

- Xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các báo cáo khác theo quy định;

- Xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Thực hiện chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ do HĐND bầu trong các trường hợp quy định tại Điều 88,89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng HĐND&UBND huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp của HĐND huyện:

- Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

- Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến chất vấn và thảo luận của đại biểu trong phiên họp tổ và tại phiên họp toàn thể tại hội trường;

- Tham mưu cho chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp;

- Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 9. Xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương

1. HĐND huyện xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương;

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và báo cáo với HĐND huyện kết quả giải quyết;

3. Tại các kỳ họp, Thường trực HĐND huyện phối hợp với UBMTTQVN huyện trình HĐND huyện báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương; Thường trực HĐND báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri đã được gửi đến HĐND tại kỳ họp trước. Trong trường hợp cần thiết, HĐND huyện thảo luận và ra nghị quyết về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Điều 10. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể

1. HĐND huyện quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu không được biểu quyết thay cho đại biểu khác.

2. HĐND huyện quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết công khai ;

- Bỏ phiếu kín.

3. Nghị quyết của HĐND huyện được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu HĐND huyện được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu biểu quyết tán thành.

Điều 11. Hoạt động sau kỳ họp

1. Thường trực HĐND huyện chỉ đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện hoàn chỉnh các dự thảo nghị quyết đã được HĐND huyện thông qua, trình Chủ tịch HĐND huyện hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực theo quy định. Ban hành văn bản đôn đốc người trả lời chất vấn tại kỳ họp thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong nội dung trả lời chất vấn và phân công các Ban của HĐND huyện giám sát, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung trả lời chất vấn thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND huyện tổ chức cho các Tổ đại biểu HĐND huyện tiếp xúc cử tri, báo cáo kết quả kỳ họp. Tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; đồng thời phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND huyện, vận động Nhân dân thực hiện các nghị quyết đã ban hành.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND huyện phải được Thường trực HĐND huyện gửi lên Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

4. Nghị quyết của HĐND huyện phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định.

Điều 12. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện

1. HĐND huyện thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp HĐND và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND huyện.

2. HĐND huyện quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực HĐND huyện trình trên cơ sở các kiến nghị của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND, UBMTTQVN huyện và kiến nghị của cử tri địa phương.

3. HĐND huyện thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

- Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện;

- Xem xét báo cáo của UBND huyện về tình hình thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND huyện; ✓

- Xem xét các quyết định của UBND huyện, nghị quyết của HĐND xã, thị trấn có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND huyện;

- Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện;

- Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

4. Căn cứ vào kết quả giám sát, HĐND huyện có các quyền:

- Yêu cầu UBND huyện ban hành văn bản để thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của HĐND;

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của UBND huyện, HĐND cấp xã trái với Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND huyện;

- Ra nghị quyết về trả lời chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn khi xét thấy cần thiết.

Điều 13. Các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND huyện

1. Kinh phí hoạt động của HĐND huyện do ngân sách huyện đảm bảo, Thường trực HĐND huyện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của Nhà nước.

2. Các Tổ đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện được cấp hoạt động phí hàng tháng. Các đại biểu được hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của đại biểu theo quy định.

3. HĐND huyện quyết định các khoản chi có tính chất đặc thù phù hợp với hoạt động của HĐND. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và nghị quyết của HĐND huyện, tính về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND huyện.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 14. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

Thường trực HĐND huyện là cơ quan của HĐND huyện, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND huyện.

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

1. Thường trực HĐND huyện gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND huyện. Chủ tịch HĐND huyện phân công một Phó Chủ tịch trong các Phó Chủ tịch HĐND huyện làm nhiệm vụ Phó Chủ tịch Thường trực; Chủ tịch

HĐND huyện uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực HĐND huyện chỉ đạo công việc của HĐND huyện khi Chủ tịch HĐND huyện đi vắng;

2. Các Phó Chủ tịch và Ủy viên của Thường trực HĐND huyện giúp Chủ tịch HĐND huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND huyện.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

1. Triệu tập các kỳ họp của HĐND huyện; phối hợp với UBND huyện trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND.

2. Đôn đốc, kiểm tra UBND huyện và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND huyện.

3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND huyện; xem xét kết quả giám sát của các Ban HĐND huyện khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất. Giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND huyện; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND huyện để báo cáo HĐND huyện; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tại phiên họp Thường trực HĐND huyện.

5. Tổ chức để đại biểu HĐND huyện tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp HĐND huyện.

6. Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban HĐND huyện trong số đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và việc cho thôi làm Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân huyện theo đề nghị của Trưởng ban Hội đồng nhân dân huyện.

7. Trình HĐND huyện lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND huyện bầu theo đúng quy định tại Điều 88 và Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

8. Quyết định việc đưa ra HĐND huyện hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND huyện.

9. Báo cáo về hoạt động của HĐND huyện lên HĐND và UBND tỉnh.

10. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban thường trực UBMTTQVN huyện; mỗi năm hai lần thông báo cho UBMTTQVN huyện về hoạt động của HĐND huyện.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

1. Chủ tịch HĐND huyện lãnh đạo hoạt động của Thường trực HĐND huyện, thay mặt Thường trực HĐND huyện giữ mối liên hệ với UBND, các cơ quan nhà nước, Ban thường trực UBMTTQVN huyện, các tổ chức thành viên của Mặt trận huyện, các tổ chức chính trị-xã hội và công dân.

2. Phó Chủ tịch HĐND huyện giúp Chủ tịch HĐND huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND huyện.

3. Các thành viên Thường trực HĐND huyện chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND huyện; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND huyện về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND huyện phân công; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND huyện, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND huyện.

4. Căn cứ nghị quyết về chương trình hoạt động của HĐND hằng năm, Thường trực HĐND huyện có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc tổ chức thực hiện của UBND huyện và các cơ quan khác về thực hiện nghị quyết HĐND huyện theo quy định.

Điều 18. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND huyện

1. Thường trực HĐND huyện dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND huyện trên cơ sở đề nghị các Ban của HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện, Ban Thường trực UBMTTQVN huyện và kiến nghị của cử tri trong huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước;

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND huyện, Văn phòng HĐND&UBND huyện có nhiệm vụ giúp Thường trực HĐND tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện, UBMTTQVN huyện. Thường trực HĐND huyện thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND huyện năm sau trình HĐND huyện xem xét, quyết định;

a) Nội dung giám sát của Thường trực HĐND huyện:

- Xem xét các văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện, nghị quyết của HĐND xã, thị trấn có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND huyện;

- Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND huyện đối với những người được chất vấn quy định tại Điều 69 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 70 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND huyện theo quy định tại Điều 72 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân;

- Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

b) Thường trực HĐND huyện báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm tại kỳ họp giữa năm và cuối năm của HĐND huyện. ✓

Điều 19. Tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

1. Thường trực HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hằng năm. Sau đó, gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến UBND huyện, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện và thông báo cho HĐND, UBND, UBMTQVN xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri phối hợp thực hiện.

2. Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND huyện, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN cấp xã để tổ chức cho đại biểu HĐND huyện tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp HĐND huyện. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để nhân dân biết tham gia.

3. Tổ đại biểu HĐND huyện họp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri ở các địa phương. Tại các buổi tiếp xúc cử tri, đại biểu có quyền mời hoặc đề nghị UBMTTQVN các xã, thị trấn mời các thành phần liên quan tham dự để giải thích, trả lời những vấn đề bức xúc được cử tri phản ánh.

Điều 20. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

1. Thường trực HĐND huyện có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND huyện tiếp công dân ở địa phương nơi đại biểu ứng cử; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương. Bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân.

2. Chủ tịch HĐND huyện có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND hoặc Ủy viên của Thường trực HĐND huyện tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND huyện bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

3. Thành phần tiếp công dân gồm có: Chủ tịch HĐND huyện hoặc người được ủy quyền; đại diện lãnh đạo của các Ban HĐND huyện; đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện, công chức phụ trách công tác tiếp công dân của Văn phòng HĐND&UBND huyện và lãnh đạo các cơ quan có liên quan.

4. Việc tiếp nhận, xử lý, theo dõi giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được thực hiện theo Luật Tiếp công dân và các quy định khác có liên quan. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận những kiến nghị, phản ánh, đề nghị của cử tri, công dân từ Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện thì UBND huyện, các ngành liên quan phải báo cáo và nêu rõ kết quả, tiến độ hoặc thời gian giải quyết đối với từng vụ việc.

Điều 21. Chế độ họp và thông tin báo cáo

1. Thường trực HĐND huyện họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND huyện có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND huyện.

Phiên họp Thường trực HĐND phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND huyện tham dự.

2. Chủ tịch HĐND huyện quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND huyện; nếu Chủ tịch HĐND huyện vắng mặt thì một Phó Chủ tịch HĐND huyện được Chủ tịch HĐND huyện ủy quyền chủ tọa phiên họp.

3. Thành viên Thường trực HĐND huyện có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND huyện xem xét, quyết định.

4. Đại diện UBND, UBMTTQVN huyện được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND huyện.

5. Định kỳ 6 tháng một lần tổ chức hội nghị giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND huyện với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã, thị trấn để trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND.

Chương IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 22. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban Hội đồng nhân dân huyện

1. Ban Pháp chế của HĐND huyện chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính ở địa phương.

2. Ban Kinh tế-Xã hội của HĐND huyện chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách tôn giáo ở địa phương.


Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân huyện

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND huyện liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do HĐND hoặc Thường trực HĐND huyện phân công.

3. Giúp HĐND huyện giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện; giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

4. Tổ chức khảo sát thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do HĐND hoặc Thường trực HĐND huyện phân công.

5. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với HĐND, Thường trực HĐND huyện. 

6. Ban của HĐND huyện chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND huyện; trong thời gian HĐND huyện không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực HĐND huyện.

Điều 24. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên các Ban

1. Trưởng ban

- Trưởng ban HĐND huyện có thể là đại biểu HĐND huyện hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

- Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành; chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban;

- Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND huyện, các Ban khác của HĐND huyện, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;

- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND, Thường trực HĐND huyện;

- Tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND huyện triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do UBND huyện, các cơ quan, tổ chức, địa phương mời;

- Tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban;

- Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp HĐND huyện.

2. Phó Trưởng ban

- Phó Trưởng ban của HĐND huyện là đại biểu HĐND huyện hoạt động chuyên trách;

- Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng ban vắng mặt, Phó Trưởng ban được Trưởng ban uỷ quyền điều hành công việc của Ban;

- Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND chuẩn bị nội dung các cuộc họp Thường trực HĐND huyện, kỳ họp HĐND huyện.

3. Ủy viên

Thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và theo sự phân công nhiệm vụ của Trưởng ban.

Điều 25. Hoạt động giám sát của các Ban HĐND huyện

- Thẩm tra các báo cáo do HĐND, Thường trực HĐND huyện phân công theo quy định tại Điều 78 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Giám sát quyết định của UBND huyện, nghị quyết của HĐND cấp xã, thị trấn theo quy định tại Điều 79 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại điều 82 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

- Báo cáo kết quả giám sát của Ban gửi đến Thường trực HĐND huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 26. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của các Ban Hội đồng nhân dân huyện

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của HĐND huyện cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án mà Ban thẩm tra.

2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án thực hiện theo trình tự:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận.

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

4. Tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phải được thẩm tra và gửi đến Thường trực HĐND huyện chậm nhất là 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND huyện hoặc chậm nhất là 02 ngày trước phiên họp Thường trực HĐND huyện.

Điều 27: Chế độ họp và thông tin báo cáo

1. Các Ban của HĐND huyện xây dựng báo cáo và chương trình công tác 6 tháng, năm; báo cáo gửi về Thường trực HĐND huyện.

2. Các Ban của HĐND huyện họp định kỳ mỗi quý một lần, để đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn phương hướng nhiệm vụ công tác quý sau; trong trường hợp cần thiết, Ban có thể họp đột xuất;

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 28. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Tổ đại biểu HĐND huyện có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp HĐND huyện.

2. Tổ chức cho đại biểu HĐND huyện tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp HĐND huyện.

3. Tổng hợp các ý kiến chất vấn của các đại biểu HĐND huyện thuộc Tổ và đề xuất các vấn đề chất vấn của Tổ theo yêu cầu của Thường trực HĐND huyện.

4. Sau kỳ họp HĐND huyện, tổ chức để các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp và tuyên truyền, giải thích vận động Nhân dân thực hiện đúng nghị quyết của HĐND huyện.

5. Tổ đại biểu họp ít nhất mỗi quý một lần, để đánh giá tình hình hoạt động trong quý, bàn kế hoạch công tác thời gian đến; gửi báo cáo và biên bản cuộc họp đến Thường trực HĐND huyện trước ngày 25 của tháng cuối quý.

Điều 29. Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên

1. Tổ trưởng

- Điều hành công việc và chịu trách nhiệm chung của Tổ đại biểu HĐND;
- Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để báo cáo với Thường trực HĐND huyện;
- Phối hợp với Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQVN xã, thị trấn tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri; gửi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri về Thường trực HĐND huyện đúng thời hạn;
- Phân công nhiệm vụ và đôn đốc các đại biểu trong Tổ tham dự các kỳ họp của HĐND xã, thị trấn khi được mời;
- Tổ chức và phân công các thành viên trong Tổ thực hiện nhiệm vụ giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND huyện trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực HĐND huyện; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Tổ phó

Giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ được phân công phụ trách một số công việc của Tổ; khi Tổ trưởng vắng mặt, Tổ phó được Tổ trưởng uỷ quyền điều hành công việc của Tổ.

3. Thành viên

Có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập; chấp hành sự phân công của Tổ; tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ đại biểu. Quan hệ chặt chẽ với chính quyền, cơ quan, đơn vị, Nhân dân trong khu vực để nắm tình hình, nguyện vọng chính đáng của nhân dân và phản ánh trong các cuộc họp Tổ.

Điều 30. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND huyện

1. Tổ đại biểu HĐND huyện giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND huyện trên địa bàn.

2. Giám sát các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND huyện phân công; ✓

3. Tổ chức để đại biểu HĐND huyện thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 31: Chế độ họp và thông tin báo cáo

1. Tổ đại biểu HĐND huyện họp định kỳ hằng quý; trước và sau mỗi kỳ họp HĐND huyện;

2. Báo cáo kết quả công tác 6 tháng, năm gửi Thường trực HĐND.

Chương VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 32. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

Đại biểu HĐND huyện là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước HĐND huyện về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

Đại biểu HĐND huyện bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại biểu HĐND huyện

Đại biểu thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định từ Điều 93 đến Điều 102, khoản 2 và khoản 5 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; ngoài ra còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và từ thực tiễn cuộc sống, đại biểu có trách nhiệm chủ động đề xuất HĐND huyện đưa vào chương trình thảo luận xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Nghiên cứu các tài liệu do Văn phòng HĐND&UBND huyện gửi đến các đại biểu; tham gia ý kiến khi họp tổ cũng như thảo luận tại hội trường những nội dung thuộc nhiệm vụ quyền hạn của đại biểu và những vấn đề mà cử tri quan tâm .

3. Tham gia góp ý vào các dự thảo Nghị quyết HĐND huyện; thể hiện rõ chính kiến đối với những nội dung còn có nhiều ý kiến, phương án khác nhau.

4. Thảo luận làm rõ vấn đề và thực hiện quyền chất vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Khi chất vấn, đại biểu phải tìm hiểu kỹ nội dung cần chất vấn và chất vấn đúng đối tượng, chặt chẽ, rõ ràng. Trường hợp nội dung trả lời chất vấn (trả lời bằng văn bản hoặc trả lời trực tiếp tại kỳ họp) chưa đầy đủ, đại biểu có quyền yêu cầu được trả lời rõ hơn. Trong trường hợp không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu có quyền đề nghị HĐND huyện thảo luận để làm rõ hoặc kiến nghị HĐND huyện xem xét trách nhiệm của người bị chất vấn. Trong trường hợp cần xác minh, HĐND huyện có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau hoặc trả lời bằng văn bản và gửi đến đại biểu chất vấn, Thường trực HĐND huyện sau kỳ họp. Khi xét thấy cần thiết, HĐND huyện ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn, xác định trách nhiệm của người bị chất vấn.

Điều 34. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND huyện

1. Chất vấn những người được chất vấn quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 và thực hiện chất vấn theo quy định tại Điều 84 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;
2. Giám sát quyết định của UBND huyện, nghị quyết của HĐND xã, thị trấn quy định tại điều 85 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;
3. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương theo quy định tại Điều 86 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 87 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 35. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Đại biểu thực hiện việc tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 94 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.
2. Đối với việc tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp: Chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Tổ đại biểu HĐND huyện phối hợp Ban Thường trực UBMTTQVN xã, thị trấn tổ chức tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các Nghị quyết của HĐND huyện và vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết.
3. Kết hợp với việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm, đại biểu HĐND báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu cử về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm sau của mình và của HĐND huyện. Tổ đại biểu HĐND và Ban Thường trực UBMTTQVN xã, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thường trực HĐND huyện về ý kiến nhận xét của cử tri.
4. Đại biểu thường xuyên gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu và Thường trực HĐND huyện để tổng hợp báo cáo HĐND huyện; gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.
5. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu HĐND huyện chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN xã, thị trấn báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri về Thường trực HĐND huyện trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri. Báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri phải phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực, theo thẩm quyền giải quyết.

Điều 36. Quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Đại biểu HĐND huyện có quyền chất vấn Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện.
2. Trong thời gian HĐND huyện họp, đại biểu HĐND gửi chất vấn đến Thường trực HĐND huyện. Người bị chất vấn phải trả lời trước HĐND huyện tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì HĐND huyện có thể quyết định cho trả lời

tại kỳ họp sau của HĐND huyện hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực HĐND huyện.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND huyện, chất vấn của đại biểu được gửi đến Thường trực HĐND huyện để chuyển đến người bị chất vấn và thời hạn trả lời chất vấn.

Điều 37. Quyền kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Đại biểu HĐND huyện có quyền kiến nghị HĐND huyện bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND huyện bầu.

2. Kiến nghị của đại biểu HĐND huyện được gửi bằng văn bản đến Thường trực HĐND huyện, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị;

3. Trường hợp có từ một phần ba tổng số đại biểu HĐND huyện trở lên kiến nghị HĐND huyện bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do HĐND huyện bầu, kiến nghị HĐND huyện họp bất thường hoặc họp kín thì Thường trực HĐND huyện báo cáo để HĐND huyện xem xét, quyết định;

4. Đại biểu HĐND huyện có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 38. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Đại biểu HĐND huyện không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị HĐND huyện hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực HĐND huyện quyết định việc đưa ra HĐND huyện bãi nhiệm đại biểu HĐND hoặc theo đề nghị của UBND huyện để cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND huyện.

3. Trong trường hợp HĐND huyện bãi nhiệm đại biểu HĐND thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND huyện biểu quyết tán thành.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND huyện thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 39. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện

1. Đại biểu HĐND huyện hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ khác theo quy định;

2. Đại biểu HĐND huyện hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu. Thời gian làm việc trong năm mà đại biểu HĐND huyện hoạt động không chuyên trách dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ

quan, tổ chức, đơn vị đại biểu làm việc và được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ;

3. Đại biểu HĐND huyện được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 40. Mối quan hệ của Thường trực HĐND với Thường trực Huyện ủy

Thường trực HĐND hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy; có trách nhiệm cụ thể hóa nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện, các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và của cấp trên để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Điều 41. Mối quan hệ của Thường trực HĐND với các Ban HĐND huyện

1. Thường trực HĐND huyện chỉ đạo hoạt động của các Ban HĐND huyện thông qua các việc sau:

- Phân công các Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách, trình kỳ họp HĐND hoặc phiên họp Thường trực HĐND huyện;

- Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban HĐND; Phân công các Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND và Thường trực HĐND huyện;

- Yêu cầu các Ban điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm để hoạt động giám sát không bị trùng lặp, chồng chéo; tham mưu ý kiến đối với những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp theo lĩnh vực phụ trách;

2. Thường trực HĐND huyện điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND huyện như sau:

- Hàng quý, Thường trực HĐND huyện tổ chức họp với các Ban HĐND huyện để phối hợp đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát;

- Tổng hợp kết quả giám sát trình HĐND huyện; xem xét kết quả giám sát của Ban khi thấy cần thiết;

- Đôn đốc các Ban của HĐND huyện thực hiện chương trình hoạt động;

- Các Ban của HĐND huyện phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan;

- Ban của HĐND huyện cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND huyện theo yêu cầu của Thường trực HĐND huyện;

- Tham dự các phiên họp của các Ban của HĐND huyện khi được mời; ✓

- Tổ chức và chủ trì các cuộc giao ban định kỳ của Thường trực HĐND huyện; các Ban của HĐND huyện và Văn phòng HĐND&UBND huyện.

3. Các Ban HĐND huyện có trách nhiệm tham mưu Thường trực HĐND, HĐND huyện thực hiện nhiệm vụ tại Điều 109, Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Điều 42. Mọi quan hệ của Thường trực HĐND huyện với Đại biểu, Tổ đại biểu HĐND huyện

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu tổ chức tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu HĐND huyện;

2. Tiếp nhận các kiến nghị, chất vấn của đại biểu HĐND huyện để tổng hợp chuyển đến UBND huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện, các tổ chức hoặc cá nhân liên quan để trả lời hoặc xem xét giải quyết theo thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị của đại biểu HĐND huyện;

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND huyện; tạo điều kiện để đại biểu HĐND huyện nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND; các văn bản pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tạo điều kiện để đại biểu HĐND học tập, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ hoạt động đại biểu.

Điều 43. Mọi quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện với UBND huyện

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện trong việc chuẩn bị chương trình làm việc, các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp của HĐND huyện hoặc phiên họp Thường trực HĐND huyện; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND huyện trong thời gian giữa hai kỳ họp; theo dõi việc tổ chức triển khai và thực hiện nghị quyết của HĐND huyện; thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, đôn đốc UBND huyện và các cơ quan chuyên môn của UBND huyện trong việc thực hiện nghị quyết HĐND huyện.

2. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND huyện, đại diện lãnh đạo các Ban của HĐND huyện phân công dự các cuộc họp của UBND huyện: bàn về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh; xây dựng chính quyền và các cuộc họp có liên quan do UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện mời dự.

3. Định kỳ 6 tháng, 1 năm, UBND huyện gửi báo cáo tình hình, nhiệm vụ công tác và báo cáo chuyên đề của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện về Thường trực HĐND huyện để theo dõi và giám sát. Đồng thời, mời đại diện Thường trực HĐND dự các cuộc họp UBND, họp giao ban hàng tháng của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện khi có nội dung liên quan. ✓

Điều 44. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND với UBMTTQVN huyện và các tổ chức thành viên

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện phối hợp chặt chẽ với UBMTTQVN huyện và các tổ chức thành viên của UBMTTQVN huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; thống nhất với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp công tác;

2. Tại kỳ họp thường lệ của HĐND huyện, Ban Thường trực UBMTTQVN huyện thông báo về tình hình, kết quả tham gia xây dựng chính quyền của UBMTTQVN huyện và những ý kiến, kiến nghị của UBMTTQVN huyện đối với HĐND huyện;

3. Thường trực HĐND huyện được mời dự cuộc họp sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm của UBMTTQVN huyện. Thường trực HĐND huyện thông báo bằng văn bản đến UBMTTQVN huyện về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND, nêu những kiến nghị với UBMTTQVN huyện trong hoạt động phối hợp theo dõi, giúp đỡ đại biểu HĐND huyện làm nhiệm vụ đại biểu cũng như giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND huyện;

5. Thường trực HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri; UBMTTQVN huyện chỉ đạo UBMTTQVN xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với Tổ đại biểu HĐND huyện, Thường trực HĐND, UBND cùng cấp tổ chức cho đại biểu HĐND huyện tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri;

6. Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN huyện được mời tham gia giám sát cùng Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện về những nội dung có liên quan;

7. Hàng năm, Thường trực HĐND huyện và Ban Thường trực UBMTTQVN huyện tổ chức tổng kết công tác phối hợp trong năm và thảo luận, thống nhất công tác phối hợp năm sau.

Điều 45. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND với TAND, VKSND và Đoàn hội thẩm Tòa án nhân dân huyện

1. Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện chuẩn bị các báo cáo, đề án trình kỳ họp HĐND huyện và các báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ của cơ quan mình 6 tháng và năm gửi Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện đúng thời gian quy định;

2. Phối hợp các đoàn giám sát của HĐND huyện về các vấn đề có liên quan khi có yêu cầu. Tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn giám sát do Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND chủ trì;

3. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về những vấn đề được Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện yêu cầu (trừ những thông tin mật theo quy định của Nhà nước);

4. Trả lời bằng văn bản về các yêu cầu, kiến nghị, đề nghị của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND huyện;

5. Được mời dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị của Thường trực HĐND huyện về những vấn đề liên quan;

6. 6 tháng một lần, Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện họp để đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động xét xử của các vị Hội thẩm nhân dân; Trưởng đoàn Hội thẩm có trách nhiệm báo cáo tổng hợp tình hình công tác tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân đến HĐND huyện thông qua Ban Pháp chế HĐND huyện;

7. Chánh án Tòa án nhân dân huyện báo cáo bằng văn bản về kết quả hoạt động xét xử của Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện đến Thường trực HĐND huyện;

8. Ban Pháp chế HĐND huyện phối hợp với UBMTTQVN huyện, Tòa án nhân dân huyện giúp HĐND huyện theo dõi hoạt động của Hội thẩm nhân dân thông qua các địa phương, cơ quan nơi các vị Hội thẩm cư trú hoặc công tác. Thường xuyên thu thập các thông tin về phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, quan hệ, lối sống của các vị Hội thẩm để báo cáo với HĐND huyện.

Điều 46: Môi quan hệ giữa Thường trực HĐND, các Ban HĐND với Tổ đại biểu HĐND tỉnh Bình Định đơn vị bầu cử huyện Tuy Phước

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện giữ mối liên hệ và phối hợp công tác thường xuyên với Tổ đại biểu HĐND tỉnh Bình Định đơn vị bầu cử huyện Tuy Phước;

2. Thường trực HĐND huyện cùng với Tổ đại biểu HĐND tỉnh định kỳ 6 tháng nghe UBND huyện, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương báo cáo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân do Thường trực HĐND huyện, đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu HĐND tỉnh chuyển đến;

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện; UBND huyện, UBMTTQVN huyện và các đoàn thể, tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan; Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 48. Khen thưởng, kỷ luật

1. Thường trực HĐND huyện hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của HĐND huyện theo quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động HĐND cấp huyện và cấp xã.

2. Những tập thể, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Quy chế này nếu thực hiện không tốt hoặc vi phạm quy chế, thì tùy theo mức độ xử lý phù hợp.

Điều 49. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 7 năm 2019 và thay thế cho Quy chế về hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện khóa X, nhiệm kỳ 2011- 2016.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc không còn phù hợp, các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị và các đại biểu HĐND huyện phản ánh, kiến nghị cụ thể về Thường trực HĐND huyện, để tổng hợp trình HĐND huyện xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung. *2019*

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

Số: 09 /NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỶ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện năm 2020 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất tổ chức các hoạt động giám sát trong năm 2020 gồm các nội dung:

1. Giám sát tại kỳ họp

Tại kỳ họp thường kỳ năm 2020 (dự kiến vào tháng 7 và tháng 12 năm 2020), Hội đồng nhân dân huyện khóa XI xem xét:

a) Các báo cáo công tác năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn của huyện, Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, thực hiện chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

b) Việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện và kết quả giải quyết, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

c) Báo cáo về kết quả hoạt động giám sát chuyên đề năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, hai Ban Hội đồng nhân dân huyện.

2. Giám sát chuyên đề

Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân huyện thực hiện giám sát:

a) Nội dung thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội

- Giám sát tình hình thực hiện chính sách pháp luật về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện và Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Tuy Phước.

b) Nội dung thuộc lĩnh vực pháp chế

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước về việc ban hành Kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới trên địa bàn huyện.

- Giám sát việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính trên địa bàn huyện.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện:

- Tổ chức, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết về Chương trình hoạt động giám sát năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện; thực hiện tốt chế độ báo cáo tổng hợp, công tác phối hợp, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát theo quy định.

- Hướng dẫn đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong việc thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 3. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện dành thời gian thích hợp tham gia hoạt động tiếp xúc cử tri; kịp thời phản ánh, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị giải quyết và trả lời các kiến nghị của cử tri theo luật định.

Điều 4. Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chịu sự giám sát có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ trong hoạt động giám sát, báo cáo và cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và hai Ban của Hội đồng nhân dân huyện; thực hiện đầy đủ, kịp thời những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và Đoàn giám sát.

Điều 5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- TT.HU (b/ cáo);
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện (thực hiện);
- UBMT TQVN huyện và các hội, đoàn thể;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban có liên quan (thực hiện);
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc

Số: 10/NQ-HĐND

Tuy Phước, ngày 16 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên
Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, nhiệm kỳ 2016-2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức Ủy viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước về việc miễn nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện về miễn nhiệm chức danh Thành viên Ủy ban nhân dân huyện tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Võ Ngọc Cang, nguyên Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện, lý do: Ông Võ Ngọc Cang nghỉ hưu theo chế độ.

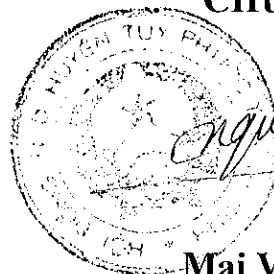
Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và ông Võ Ngọc Cang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16/7/2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua./.

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh (b/c);
- TT HU (b/c);
- TTHĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Ngọc